

Số: 150/2020/QĐST-HNGĐ

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình số 241/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Bà Huỳnh Mỹ T, sinh năm 1984;**

Địa chỉ: đường N, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

Tạm trú: đường T, khóm H, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* **Ông Trịnh Nhân D, sinh năm 1982;**

Địa chỉ: đường N, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Huỳnh Mỹ T và ông Trịnh Nhân D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Huỳnh Mỹ T và ông Trịnh Nhân D thống nhất như sau:

Giao cháu Trịnh Thoại T1, sinh ngày 28/02/2005 (nam) và Trịnh Hy D1, sinh ngày 02/12/2013 (nữ) cho ông Trịnh Nhân D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1, cháu D1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Mỹ T và ông Trịnh Nhân D thống nhất

bà Huỳnh Mỹ T không cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Thoại T1, sinh ngày 28/02/2005 và Trịnh Hy D1, sinh ngày 02/12/2013.

Bà Huỳnh Mỹ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu cháu Trịnh Thoại T1, sinh ngày 28/02/2005 (nam) và Trịnh Hy D1, sinh ngày 02/12/2013 (nữ) mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Mỹ T và ông Trịnh Nhân D trình bày ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Mỹ T và ông Trịnh Nhân D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng, bà Huỳnh Mỹ T đồng ý chịu toàn bộ. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Mỹ T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004706 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Huỳnh Mỹ T số tiền còn thừa là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Tòa án ND – TST;
- Chi cục THA - TPST;
- [UBND](#) nơi ĐKKH.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Trúc Phương